



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Tạo	Ủy viên
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Ủy Viên
Bà Lê Thị Thu Phượng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đậu Thảo	Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 


Nguyễn Đậu Thảo

Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 18/2015/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2014, từ trang 5 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.




Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 03 tháng 03 năm 2015



Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.798.571.031	58.507.957.257
I. Tiền và khoản tương đương tiền	110		940.523.665	369.119.583
1. Tiền	111	V.1	940.523.665	369.119.583
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.027.042.000	3.048.911.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.991.940.460	4.991.940.460
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(964.898.460)	(1.943.029.060)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.640.303.015	43.506.945.974
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	23.613.609.438	40.338.328.472
2. Trả trước cho người bán	132		1.362.673.778	1.013.153.823
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.657.146.246	3.339.981.168
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(993.126.447)	(1.184.517.489)
IV. Hàng tồn kho	140		3.834.866.667	5.224.406.470
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.834.866.667	5.224.406.470
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.355.835.684	6.358.573.830
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	2.355.835.684	6.358.573.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.286.117.707	4.048.350.558
I. Tài sản cố định	220		4.087.790.153	3.978.768.003
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.003.632.453	1.018.385.172
- Nguyên giá	222		10.946.229.812	11.297.764.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.942.597.359)	(10.279.379.392)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.952.000.000	2.952.000.000
- Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		132.157.700	8.382.831
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30.000.000	30.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000	30.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		168.327.554	39.582.555
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	168.327.554	39.582.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		41.084.688.738	62.556.307.815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.089.170.858	37.017.780.360
I. Nợ ngắn hạn	310		15.360.290.858	36.988.900.360
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	7.612.176.500	19.458.683.470
2. Phải trả người bán	312		693.103.859	3.678.394.337
3. Người mua trả tiền trước	313		470.400.657	926.218.817
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	1.953.304.861	2.833.558.447
5. Phải trả người lao động	315		1.229.826.051	6.071.027.340
6. Chi phí phải trả	316	V.12	241.679.267	2.018.825.213
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	3.074.393.876	1.886.406.949
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.405.787	115.785.787
II. Nợ dài hạn	330		728.880.000	28.880.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.14	28.880.000	28.880.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.995.517.880	25.538.527.455
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	24.995.517.880	25.538.527.455
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.588.800.000	21.588.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(475.357.950)	(475.357.950)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		475.357.950	360.027.124
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		209.548.341	6.626.765
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.197.169.539	4.058.431.516
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		41.084.688.738	62.556.307.815



Nguyễn Đạt Thảo
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thế Hùng
Kế toán trưởng

Chu Đình Hạnh
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.575.509.297	39.363.147.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		31.575.509.297	39.363.147.408
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25.441.637.950	29.827.876.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.133.871.347	9.535.270.842
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	300.627.984	2.731.407
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(996.832.774)	100.572.764
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.229.272.814	994.890.864
8. Chi phí bán hàng	24		8.406.200	10.259.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.516.403.162	3.991.353.495
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.906.522.743	5.435.816.690
10. Thu nhập khác	31		1.000.518.344	44.695.699
11. Chi phí khác	32		932.597.777	819.957.705
12. Lợi nhuận khác	40		67.920.567	(775.262.006)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.974.443.310	4.660.554.684
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	950.716.885	1.165.138.668
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.023.726.425	3.495.416.016
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.441	1.666



Nguyễn Đậu Thảo
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thế Hùng
Kê toán trưởng

Chu Đình Hạnh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	49.810.471.371	22.860.204.080
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(25.170.699.252)	(29.158.783.290)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.332.793.653)	(4.084.327.704)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.240.561.376)	(982.443.259)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.368.363.902)	(457.621.204)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.705.196.387	1.944.018.174
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(4.774.151.612)	(3.860.026.866)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>15.629.097.963</i>	<i>(13.738.980.069)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(65.000.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	300.627.984	2.731.407
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>235.627.984</i>	<i>2.731.407</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	20.334.724.856	31.314.722.153
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.181.231.826)	(17.513.332.332)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.446.814.895)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(15.293.321.865)</i>	<i>13.801.389.821</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	571.404.082	65.141.159
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	369.119.583	303.978.424
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	940.523.665	369.119.583



Nguyễn Đan Thảo
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thế Hùng
Kế toán trưởng

Chu Đình Hạnh
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng điện và vật tư thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.2 theo Quyết định số 159/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900559112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2004 và các lần thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 06 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 21.588.800.000 đồng (Hai mươi một tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng), tổng số cổ phần là 2.158.880 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn pháp định là 6 tỷ đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic), các sản phẩm bê tông;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic);
- Sản xuất các sản phẩm bê tông;
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn vật tư, thiết bị điện;
- Đầu tư, kinh doanh bất động sản (nhà, đất);
- Thử nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, phụ kiện điện trong quá trình xây dựng các công trình điện;
- Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 68 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 68 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

77
N
H
T
Đ
A

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	44.079.864	39.394.409
Tiền gửi ngân hàng	896.443.801	329.725.174
Cộng	940.523.665	369.119.583

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư ngắn hạn		4.991.940.460		4.991.940.460
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	152.100	2.467.118.460	152.100	2.467.118.460
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO9 (*)	1.265	24.822.000	1.161	24.822.000
Công ty Cổ phần Sông Ba	262.500	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(964.898.460)		(1.943.029.060)
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	152.100	(961.328.460)	152.100	(1.448.048.460)
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO9 (*)	1.265	(3.570.000)	1.161	(16.230.600)
Công ty Cổ phần Sông Ba	-	-	250.000	(478.750.000)
Giá trị thuần của khoản đầu tư		4.027.042.000		3.048.911.400

(*) Trong năm 2014, Công ty nhận cổ tức 9% của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO9 bằng cổ phiếu với số lượng 104 cổ phiếu.

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	18.854.870.154	26.314.293.682
Điện lực Nghệ An	2.647.340.824	3.130.580.878
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	348.078.785	3.128.104.106
Điện lực Hà Giang	-	2.964.284.945
Ban A lưới - ĐZ Cẩm Phả	512.783.383	2.168.886.212
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO4	-	1.029.429.014
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.250.536.292	1.602.749.635
Cộng	23.613.609.438	40.338.328.472

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	31.731.429	106.841.429
Phải thu khác	1.625.414.817	3.233.139.739
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam</i>	<i>173.956.000</i>	<i>1.281.784.400</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.451.458.817</i>	<i>1.951.355.339</i>
Cộng	1.657.146.246	3.339.981.168

5. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.288.045.899	1.607.209.276
Công cụ, dụng cụ	52.483.006	62.665.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.475.920.391	2.290.625.524
Thành phẩm	1.018.417.371	1.167.232.365
Hàng gửi đi bán	-	96.673.850
Cộng	3.834.866.667	5.224.406.470

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	2.171.738.621	6.358.573.830
Tài sản thiếu chờ xử lý	184.097.063	-
Cộng	2.355.835.684	6.358.573.830

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2

Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	3.641.928.654	6.399.057.128	1.221.778.782	35.000.000	11.297.764.564
Mua trong kỳ	-	65.000.000	-	-	65.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(416.534.752)	-	(416.534.752)
Tại ngày 31/12/2014	3.641.928.654	6.464.057.128	805.244.030	35.000.000	10.946.229.812
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	2.623.543.482	6.399.057.128	1.221.778.782	35.000.000	10.279.379.392
Khấu hao trong kỳ	70.002.719	9.750.000	-	-	79.752.719
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(416.534.752)	-	(416.534.752)
Tại ngày 31/12/2014	2.693.546.201	6.408.807.128	805.244.030	35.000.000	9.942.597.359
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	1.018.385.172	-	-	-	1.018.385.172
Tại ngày 31/12/2014	948.382.453	55.250.000	-	-	1.003.632.453

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.131.139.231 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 1.018.385.172 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 1.800 m² tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Theo Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng quản trị, Công ty đã mua quyền sử dụng lô đất để đầu tư xây dựng kinh doanh du lịch nhà nghỉ tại Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An. Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đậu Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên với tư cách cá nhân tham gia đấu thầu để mua quyền sử dụng lô đất đó. Lô đất hiện mang tên ông Nguyễn Đậu Thảo và vợ là bà Mạnh Thị Bích Thủy. Ngày 09 tháng 7 năm 2010, ông Nguyễn Đậu Thảo và bà Mạnh Thị Bích Thủy đã ủy quyền về quản lý, sử dụng, cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng hoặc cho thuê thừa đất này cho Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2 theo Hợp đồng ủy quyền số 0165.2010/HĐUQ với thời hạn ủy quyền là 10 năm. Quyền sử dụng lô đất này hiện đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	168.327.554	39.582.555
Cộng	168.327.554	39.582.555

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	7.612.176.500	19.458.683.470
Cộng	7.612.176.500	19.458.683.470

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn với tổng hạn mức là 19,7 tỷ đồng. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể và thay đổi theo thông báo của ngân hàng từng thời điểm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình của Công ty.

NHẬT KỶ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.425.929.560	1.885.233.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp	527.375.301	945.022.318
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.302.199
Cộng	1.953.304.861	2.833.558.447

12. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	12.701.596	23.990.158
Trích trước chi phí các công trình	228.977.671	1.994.835.055
Cộng	241.679.267	2.018.825.213

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.419.726	4.419.726
Kinh phí công đoàn	30.201.136	34.245.046
Bảo hiểm xã hội	861.577	48.815.825
Bảo hiểm y tế	-	13.767.941
Bảo hiểm thất nghiệp	-	16.160.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.038.911.437	1.768.998.211
<i>Trong đó:</i>		
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	379.092.949	567.578.290
- Phải trả khác	2.659.818.488	1.201.419.921
Cộng	3.074.393.876	1.886.406.949

14. Dự phòng phải trả dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hành sản phẩm	28.880.000	28.880.000
Cộng	28.880.000	28.880.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	21.588.800.000	(475.357.950)	360.027.124	210.622.640	563.015.500	22.247.107.314
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.495.416.016	3.495.416.016
Sử dụng quỹ	-	-	-	(203.995.875)	-	(203.995.875)
Tại ngày 31/12/2013	21.588.800.000	(475.357.950)	360.027.124	6.626.765	4.058.431.516	25.538.527.455
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.023.726.425	3.023.726.425
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(3.566.736.000)	(3.566.736.000)
Phân phối quỹ (*)	-	-	115.330.826	202.921.576	(318.252.402)	-
Tại ngày 31/12/2014	21.588.800.000	(475.357.950)	475.357.950	209.548.341	3.197.169.539	24.995.517.880

(*) Công ty chia cổ tức, phân phối quỹ theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 07 tháng 04 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí bảo hành sản phẩm	28.880.000	28.880.000
Cộng	28.880.000	28.880.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.158.880	2.158.880
+ Cổ phần thường	2.158.880	2.158.880
Số lượng cổ phiếu được mua lại	60.800	60.800
+ Cổ phiếu thường	60.800	60.800
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.098.080	2.098.080
+ Cổ phần thường	2.098.080	2.098.080

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động xây dựng và bộ phận bán hàng hóa, thành phẩm gạch. Tuy nhiên, doanh thu của bộ phận bán hàng hóa, thành phẩm gạch chiếm tỷ lệ dưới 10% so với tổng doanh thu của cả Công ty (chi tiết trong thuyết minh số VI.1 và VI.2). Do đó, Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 13, đường Mai Hắc Đế, Phường Quán Bàu, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	675.605.581	191.923.110
Doanh thu hợp đồng xây dựng	30.899.903.716	39.171.224.298
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.575.509.297	39.363.147.408

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng hóa, cung cấp dịch vụ	948.463.300	142.304.734
Giá vốn hợp đồng xây dựng	24.493.174.650	29.685.571.832
Cộng	25.441.637.950	29.827.876.566

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.011.384	2.731.407
Cổ tức, lợi nhuận được chia	293.616.600	-
Cộng	300.627.984	2.731.407

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.229.272.814	994.890.864
Thu lãi vay các thầu phụ	(1.094.262.389)	-
Giảm phí bảo lãnh chuyển cho đơn vị khác	(153.712.599)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(978.130.600)	(894.318.100)
Cộng	(996.832.774)	100.572.764

101
TRẢ
KI
TỪ
DÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.974.443.310	4.660.554.684
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế -	346.997.082	-
Trừ: Thu nhập từ nhận cổ tức	(293.616.600)	-
Cộng: Chi phí không hợp lý, hợp lệ	640.613.682	-
Thu nhập chịu thuế	4.321.440.392	4.660.554.684
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	950.716.885	1.165.138.668
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	950.716.885	1.165.138.668

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.023.726.425	3.495.416.016
Lợi nhuận có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.023.726.425	3.495.416.016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.098.080	2.098.080
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.441	1.666

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.659.009.187	8.154.636.092
Chi phí nhân công	10.173.994.942	13.966.948.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.752.719	110.907.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.549.629.175	4.423.170.714
Chi phí khác	504.061.289	1.107.753.918
Tổng	28.966.447.312	27.763.416.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	940.523.665	369.119.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.277.629.237	42.493.792.151
Đầu tư ngắn hạn	4.027.042.000	3.048.911.400
Đầu tư dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	29.275.194.902	45.941.823.134

Công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	7.612.176.500	19.458.683.470
Phải trả người bán và phải trả khác	3.767.497.735	5.564.801.286
Chi phí phải trả	241.679.267	2.018.825.213
Cộng	11.621.353.502	27.042.309.969

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất niên độ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong niên độ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong niên độ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

3-
CY
DUH
NV
KH
E
P.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối niên độ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.767.497.735	-	3.767.497.735
Chi phí phải trả	241.679.267	-	241.679.267
Các khoản vay	7.612.176.500	-	7.612.176.500
Cộng	11.621.353.502	-	11.621.353.502
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.564.801.286	-	5.564.801.286
Chi phí phải trả	2.018.825.213	-	2.018.825.213
Các khoản vay	19.458.683.470	-	19.458.683.470
Cộng	27.042.309.969	-	27.042.309.969

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.277.629.237	-	24.277.629.237
Đầu tư ngắn hạn	4.027.042.000	-	4.027.042.000
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	28.304.671.237	30.000.000	28.334.671.237
Tại 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.493.792.151	-	42.493.792.151
Đầu tư ngắn hạn	3.048.911.400	-	3.048.911.400
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000	30.000.000
Cộng	45.542.703.551	30.000.000	45.572.703.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO2Số 13, đường Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về bên liên quan**Tên bên liên quan**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện
VNECO**Mối quan hệ**Cổ đông chính chiếm 31,45% vốn điều lệ
Công ty*Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:*

<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	27.981.048.141	29.789.660.484
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	27.981.048.141	29.789.660.484

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	18.773.222.145	27.698.085.700
Trong đó:		
- Phải thu về xây lắp	18.854.870.154	26.314.293.682
- Phải thu khác	173.956.000	1.281.784.400
- Phải trả phải nộp ngắn hạn khác (dư nợ)	173.956.000	102.007.618
- Người mua trả tiền trước	429.560.009	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	379.092.949	567.578.290

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Nguyễn Đâu Thảo
Giám đốc

Ngày 03 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Thế Hùng
Kế toán trưởngChu Đình Hạnh
Người lập